



## II. Bài tập:

1.  $m_{\text{ddKNO}_3}$  bão hòa ( $20^\circ\text{C}$ ) = ? (g)  
 $m_{\text{KNO}_3} = 63,2\text{g}$ .

Biết:  $S_{\text{KNO}_3} = 31,6$  (g). HD:

→  $m_{\text{H}_2\text{O}}$

→  $m_{\text{dd}} (= m_{\text{H}_2\text{O}} + m_{\text{chất tan}})$

2.  $m_{\text{Na}_2\text{O}} = 3,1\text{g}$ .

$m_{\text{H}_2\text{O}} = 50\text{g}$ .

$C\% = ?$  (%).

3.  $m_{\text{Al}} = a\text{g}$ .

$V_{\text{HCl}}$  vừa đủ.

$C_M \text{HCl} = 2\text{M}$ .

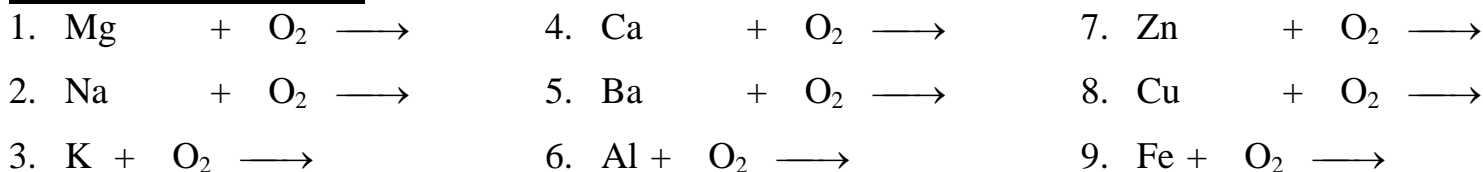
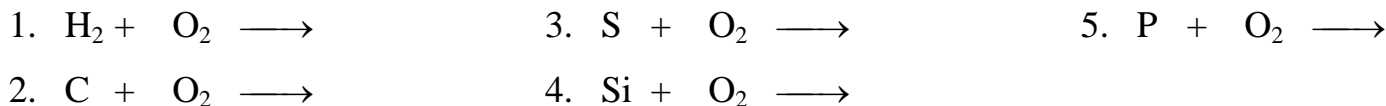
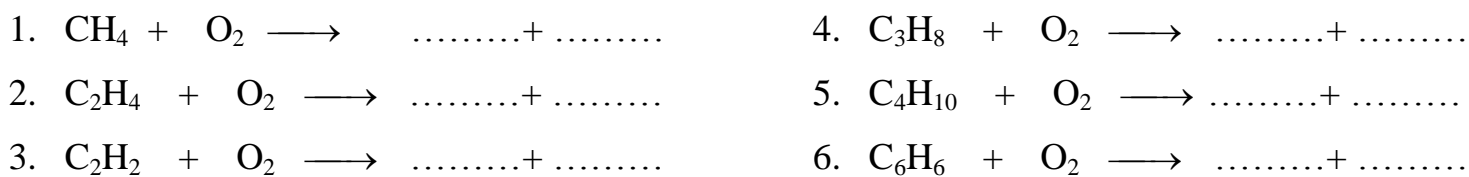
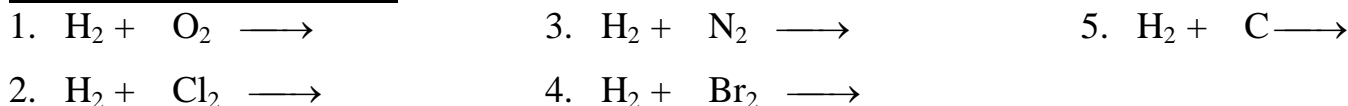
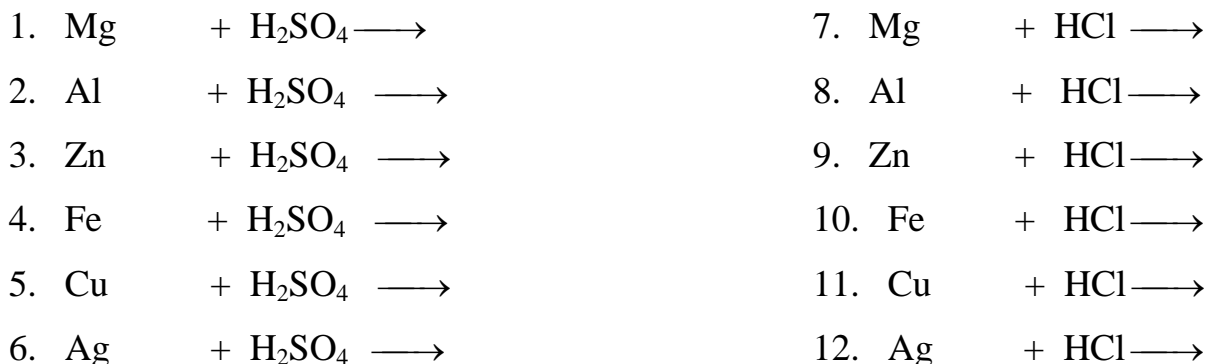
$V_{\text{khí}} = 6,72\text{l}$  (đktc).

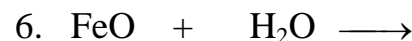
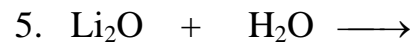
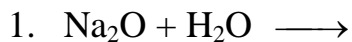
a. PTPƯ?

b. Tính a?

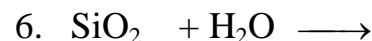
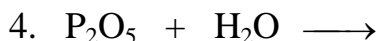
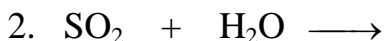
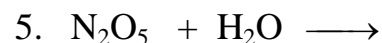
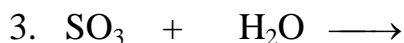
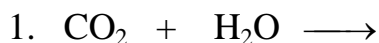
c.  $V_{\text{ddHCl}} = ?$  (l).

- Về nhà: Làm bài tập 1,5 tr 151.

**I. LÝ THUYẾT:****Bài 1: Lập các phương trình hóa học và phân loại các phản ứng hóa học sau:****1 \* Kim loại + khí oxi:****2 \* Phi kim + khí oxi:****3 \* Hợp chất + Khí oxi:****4 \* Khí hidro + phi kim:****5 \* Kim loại + dd axit: (Lưu ý: Kim loại Mg, Al, Zn, Fe mới tác dụng dd axit HCl, H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub> loãng)****6 \* Oxit bazơ + khí H<sub>2</sub>:****7 \* Kim loại + nước: (Lưu ý: Kim loại Na, K, Ca, Ba, Li mới tác dụng nước)****8 \* Oxit bazơ + nước: (Lưu ý: Oxit bazơ Na<sub>2</sub>O, K<sub>2</sub>O, CaO, BaO, Li<sub>2</sub>O mới tác dụng nước)**



**9 \* Oxit axit + nước: (Lưu ý: cát trắng  $\text{SiO}_2$  không tác dụng nước)**

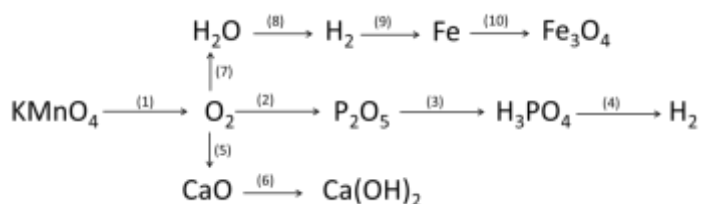


**10 \* Một số phản ứng phân hủy:**

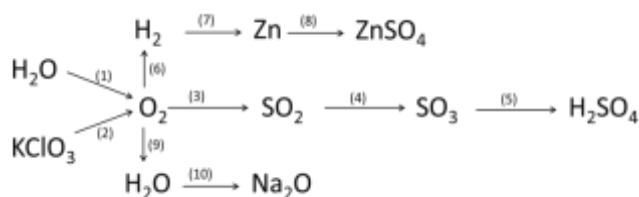


**Bài 2: Hoàn thành chuỗi phản ứng sau:**

**1.**



**2.**



**Bài 3: 1.** Cho các chất sau:  $\text{HCl}$ ,  $\text{H}_2\text{O}$ ,  $\text{Na}$ ,  $\text{Cu}$ ,  $\text{Zn}$ . Chọn chất thích hợp viết 2 phương trình điều chế khí hidro.

**2.** Cho các chất sau:  $\text{H}_2\text{O}$ ,  $\text{CaO}$ ,  $\text{P}_2\text{O}_5$ ,  $\text{Na}_2\text{O}$ . Chọn chất thích hợp viết 2 phương trình điều chế bazơ

**3.** Cho các chất sau:  $\text{H}_2\text{O}$ ,  $\text{BaO}$ ,  $\text{SO}_2$ ,  $\text{P}_2\text{O}_5$ ,  $\text{K}_2\text{O}$ . Chọn chất thích hợp viết 2 phương trình điều chế axit

**4.** Cho các chất:  $\text{KMnO}_4$ ,  $\text{KClO}_3$ ,  $\text{CaCO}_3$ ,  $\text{H}_2\text{O}$ . Chọn chất thích hợp viết 2 PT điều chế khí oxi trong ptn.

**Bài 4: Gọi tên và phân loại những chất có CTHH sau:**

**1 \* gọi tên OB:**

1.  $\text{K}_2\text{O}$  :

5.  $\text{FeO}$  :

2.  $\text{Na}_2\text{O}$  :

6.  $\text{Fe}_2\text{O}_3$  :

3.  $\text{ZnO}$  :

7.  $\text{Fe}_3\text{O}_4$  :

4.  $\text{CuO}$  :

8.  $\text{Cu}_2\text{O}$  :

**2 \* gọi tên OA:**

1.  $\text{CO}_2$  :

4.  $\text{SiO}_2$  :

2.  $\text{SO}_2$  :

5.  $\text{P}_2\text{O}_5$  :

3.  $\text{SO}_3$  :

6.  $\text{N}_2\text{O}_5$

## **Bài 5: Nhân biết:**

1. 3 chất khí: oxi, hidro, không khí:
2. 3 chất khí: oxi, hidro, lưu huỳnh đioxit:
3. 3 chất khí: oxi, hidro, cacbonđioxit:
4. 3 dung dịch Natri hidroxit, axit nitric, nước:
5. 3 dung dịch kali hidroxit, axit sunfuric, natriclorua:
6. 3 dd Natri hidroxit, canxihiđroxit, axit Clohidric:
7. 3 dung dịch nước vôi trong, nước chanh, nước:
8. 3 dung dịch Natri hidroxit, giấm, muối ăn:

**Bài 6: Nêu hiện tượng- viết phương trình, giải thích:**

1. Cho kim loại natri vào cốc nước có màu quỳ tím:
2. Cho bột canxi oxit vào cốc nước có màu quỳ tím:
3. Cho bột  $P_2O_5$  vào cốc nước có màu quỳ tím:
4. Đốt khí hidro trong khí oxi:
5. Dẫn khí hidro qua đồng (II) oxit ở nhiệt độ thường:
6. Dẫn khí hidro qua đồng (II) oxit nung nóng:
7. Đốt sắt trong khí oxi:
8. Đốt photpho trong oxi:
9. Đốt lưu huỳnh trong oxi:

**- Về nhà: Làm các bài tập còn lại vào tập**